|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG: THPT C THANH LIÊM**  **TỔ: TOÁN - TIN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

# KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

**MÔN TIN HỌC, KHỐI LỚP 12**

(Năm học 2024 - 2025)

# Đặc điểm tình hình

**1. Số lớp:** 03 **; Số học sinh:** 135 **; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có):0

1. **Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** 04 ; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: 0 Đại học: 04 ; Trên đại học: 0

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên[[1]](#footnote-1):** Tốt: 04 ; Khá: 0 ; Đạt: 0 ; Chưa đạt: 0

1. **Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| 1 | Máy tính | 30 | CĐ B. Bài 3. Thực hành thiết lập kết nối và sử dụng mạng.  CĐ **AICT**. Bài 1. Thực hành kết nối máy tính với ti vi thông minh CĐ.  CĐ **AICT.**  Bài 2: Thực hành theo nhóm: Kết nối các thiết bị không dây cho ứng dụng.  CĐ F. Bài 3. Thực hành định dạng văn bản và tạo siêu liên kết.  CĐ F. Bài 4. Trình bày nội dung theo dạng danh sách, bảng biểu.  CĐ F. Bài 5. Chèn hình ảnh, âm thanh, video và sử dụng khung.  CĐ F. Bài 6. Tạo biểu mẫu.  CĐ F. Bài 7. Thực hành tạo biểu mẫu.  CĐ F. Bài 8: Làm quen với CSS.  CĐ F. Bài 9. Thực hành định dạng một số thuộc tính CSS.  CĐ F. Bài 10. Bộ chọn lớp, bộ chọn định danh.  CĐ F. Bài 11. Mô hình hộp, bố cục trang web.  CĐ F. Bài 12. Dự án nhỏ: Tạo trang web báo tường.  CĐ **EICT** Bài 1. Giới thiệu phần mềm tạo website.  CĐ **EICT** Bài 2. Tạo website bằng phần mềm  CĐ **EICT** Bài 3. Tạo thanh điều hướng cho trang web  CĐ **EICT** Bài 4. Tạo nội dung văn bản cho trang web  CĐ **EICT** Bài 5. Tạo nội dung hình ảnh cho trang web  CĐ **EICT** Bài 6. Tạo biểu mẫu cho trang web và xuất bản website  CĐ **EICT** Bài 7. Tạo sản phẩm theo nhóm (Bài tập nhóm). |  |
| 2 | Máy chiếu hoặc Smart TV | 1 |  | |

1. **Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/ phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Phòng Tin học | 01 | Sử dụng trong các nội dung thực hành và các nội dung minh họa trực quan. |  |

# Kế hoạch dạy học[[2]](#footnote-2)

**1. Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT**  **tiết** | **Bài học**  **(2)** | **Số tiết**  **(3)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(4)** |
| **CHỦ ĐỀ A. MÁY TÍNH VÀ XÃ HỘI TRI THỨC**  GIỚI THIỆU TRÍ TUỆ NHÂN TẠO | | | |
| **1, 2** | Bài 1. Giới thiệu về trí tuệ nhân tạo | **2** | **1. Về kiến thức**  Bài học cung cấp những kiến thức:  - Sơ lược về khái niệm Trí tuệ nhân tạo (AI).  - Hệ thống AI có tri thức, có khả năng suy luận và khả năng học,…  - Một số lĩnh vực nghiên cứu của AI.  **2. Về năng lực**  Bài học góp phần củng cố và phát triển cho học sinh những năng lực với biểu hiện cụ thể như sau:  ***Năng lực chung:***  *- Giao tiếp và hợp tác:*khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.  *- Tự chủ và tự học:*biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.  *- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:*biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.  ***Năng lực Tin học:***  *NLc (Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông):* Có những hiểu biết về trí tuệ nhân tạo và nêu được một số ứng dụng điển hình của trí tuệ nhân tạo cụ thể:  - HS giải thích được trí tuệ nhân tạo là gì, nêu được 5 khả năng đặc trưng của AI: học, hiểu ngôn ngữ, nhận biết môi trường xung quanh, suy luận, giải quyết vấn đề.  - HS nêu được một số ví dụ hệ thống AI điển hình, qua đó minh họa được 5 khả năng trên của AI; biết được các khả năng ấy giúp tăng hiệu quả công việc trong học tập và cuộc sống hàng ngày.  - HS nêu được một số lĩnh vực khoa học công nghệ đã và đang phát triển mạnh mẽ nhờ ứng dụng AI.  **3. Về phẩm chất**  *- Chăm chỉ:* Thu thập thông tin qua sách, mạng Internet về trí tuệ nhân tạo, tích cực tập trung vào các hoạt động học tập.  *- Trách nhiệm:* Nhân thức được trách nhiệm cá nhân trong việc sử dụng trí tuệ nhân tạo đúng đắn và hữu ích. |
| **3** | Bài 2. Giới thiệu về trí tuệ nhân tạo (tiếp theo) | **1** | **1.** **Về kiến thức**  Bài học cung cấp những kiến thức:  - Một số lĩnh vực của khoa học công nghệ, đời sống đã và đang phát triển mạnh mẽ dựa trên những thành tựu to lớn của AI.  - Một số ứng dụng điển hình của AI như: điều khiển tự động, chẩn đoán bệnh, nhận dạng chữ viết tay, nhận dạng tiếng nói và khuôn mặt, trợ lí ảo,…  - Một số cảnh báo về sự phát triển của AI trong tương lai.  **2. Về năng lực**  Bài học góp phần củng cố và phát triển cho học sinh những năng lực với biểu hiện cụ thể như sau:  ***Năng lực chung:***  *- Tự chủ và tự học:* HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…  - *Giao tiếp và hợp tác:* Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.  *- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.  ***Năng lực Tin học:***  NLc: (Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông): Có những hiểu biết về trí tuệ nhân tạo và nêu được một số ứng dụng điển hình của trí tuệ nhân tạo cụ thể:  - HS giải thích được trí tuệ nhân tạo là gì, nêu được 5 khả năng đặc trưng của AI: học, hiểu ngôn ngữ, nhận biết môi trường xung quanh, suy luận, giải quyết vấn đề.  - HS nêu được một số ví dụ hệ thống AI điển hình, qua đó minh họa được 5 khả năng trên của AI; biết được các khả năng ấy giúp tăng hiệu quả công việc trong học tập và cuộc sống hàng ngày.  - HS nêu được một số lĩnh vực khoa học công nghệ đã và đang phát triển mạnh mẽ nhờ ứng dụng AI.  **3. Về phẩm chất**  *- Chăm chỉ:* Thu thập thông tin qua sách, mạng Internet về trí tuệ nhân tạo, tích cực tập trung vào các hoạt động học tập.  *- Trách nhiệm:* Nhân thức được trách nhiệm cá nhân trong việc sử dụng trí tuệ nhân tạo đúng đắn và hữu ích. |
| **CHỦ ĐỀ B. MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET**  KẾT NỐI MẠNG | | | |
| **4, 5** | Bài 1. Cơ sở mạng máy tính | **2** | **1. Kiến thức**  Bài học này cung cấp kiến thức:  - Một số khái niệm: mạng máy tính, cáp mạng, thiết bị đầu cuối  - Mạng cục bộ  - Mạng diện rộng và Internet  **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***  *- Năng lực tự chủ và tự học:*HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…  *- Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.  *- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:*HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.  ***Năng lực Tin học:***  - Nla (Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông): Nêu được chức năng chính của một số thiết bị mạng thông dụng: Access Point, Switch, Modem, Router.  **3. Phẩm chất**  *- Chăm chỉ:* Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập.  *- Trung thực:* Thực hiện đúng phần việc của bản thân và hợp tác làm việc nhóm khi được giao nhiệm vụ. Có ý thức báo cáo kết quả một cách chính xác.  *- Trách nhiệm:* Hoàn thành các bài tập theo yêu cầu của giáo viên thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu học tập, thông qua sản phẩm. |
| **6, 7** | Bài 2. Mô hình và các giao thức mạng | **2** | **1. Kiến thức**  Bài học này cung cấp kiến thức:  - Giao thức mạng  - Giao thức TCP  - Giao thức IP  **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***  *- Năng lực tự chủ và tự học:*HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…  *- Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.  *- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:*HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.  ***Năng lực Tin học:***  - Mô tả sơ lược được vai trò và chức năng của giao thức mạng nói chung và giao thức TCP/IP nói riêng.  **3. Phẩm chất**  *- Chăm chỉ:* Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập.  *- Trung thực:* Thực hiện đúng phần việc của bản thân và hợp tác làm việc nhóm khi được giao nhiệm vụ. Có ý thức báo cáo kết quả một cách chính xác.  *- Trách nhiệm:* Hoàn thành các bài tập theo yêu cầu của GV thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập, thông qua sản phẩm. |
| **8, 9, 10** | Bài 3. Thực hành thiết lập kết nối và sử dụng mạng | **3** | **1. Kiến thức**  Bài học này cung cấp kiến thức:  **- Cách kết nối máy tính với Access Point, Switch**  **- Cách kết nối thiết bị thông minh vào mạng máy tính**  **- Cách chia sẻ dữ liệu, chia sẻ máy in**  **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***  *- Năng lực tự chủ và tự học:*HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…  *- Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.  *- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:*HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.  ***Năng lực Tin học:***  - Kết nối được máy tính với các thiết bị Access Point, Switch.  - Kết nối được thiết bị di động vào mạng máy tính.  - Sử dụng được các chức năng mạng của hệ điều hành chia sẻ tài nguyên.  **3. Phẩm chất**  *- Chăm chỉ:* Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập.  *- Trách nhiệm:* Hoàn thành các bài tập theo yêu cầu của GV thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập, thông qua sản phẩm. |
| **CHỦ ĐỀ AICT. MÁY TÍNH VÀ XÃ HỘI TRI THỨC**  THỰC HÀNH KẾT NỐI THIẾT BỊ SỐ | | | |
| **11, 12** | Bài 1. Thực hành kết nối máy tính với ti vi thông minh | **2** | **1. Về kiến thức**  Bài học này cung cấp kiến thức:  - Cách kết nối máy tính với ti vi thông minh qua wifi  - Cách kết nối máy tính với ti vi thông momh qua Bluetooth  **2. Về năng lực**  Bài học góp phần củng cố và phát triển cho học sinh những năng lực với biểu hiện cụ thể như sau:  ***\* Năng lực chung:***  *- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Thông qua các hoạt động học tập, HS được hình thành và phát triển tư duy logic, khả năng phán đoán, phân tích và giải quyết vấn đề. Phân tích được tình huống, đề xuất và lựa chọn giải pháp để chọn được phương án nhằm giải quyết vấn đề được đặt ra ban đầu.  *- Tự chủ và tự học:* Tự nhận ra và điều chỉnh một số sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác.  *- Giao tiếp và hợp tác:* Các hoạt động thảo luận nhóm và trình bày bài giúp HS phát triển năng lực hợp tác, giao tiếp và thuyết trình.  ***\* Năng lực tin học:***  - Nla (Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông):  + Kết nối được máy tính với ti vi thông minh thông qua Wi - Fi.  + Kết nối được máy tính với ti vi thông minh thông qua Bluetooth.  - Nld (Ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông trong học và tự học);  + Thực hiện kết nối máy tính với một số thiết bị khác như tai nghe, bàn phím,… qua Bluethooth.  - Nle (Hợp tác trong môi trường số):  + Gửi/nhận tệp ảnh, video, âm thanh… từ máy tính sang ti vi.  **3. Về phẩm chất**  - *Chăm chỉ:* Chăm học, tích cực, tìm tòi và sáng tạo trong học tập.  - *Trách nhiệm:* Các hoạt động khuyến khích HS cởi mở, có ý thức trách nhiệm với bản thân và tập thể. |
| **13, 14, 15** | Bài 2. Thực hành theo nhóm: Kết nối các thiết bị không dây cho ứng dụng | **3** | 1. Về kiến thức Bài học này cung cấp kiến thức:  - Một số phương thức kết nối máy tính với thiết bị số.  - Tính năng của các thiết bị.  **2. Về năng lực**  Bài học góp phần củng cố và phát triển cho học sinh những năng lực với biểu hiện cụ thể như sau:  ***\* Năng lực chung:***  *- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Thông qua các hoạt động học tập, HS được hình thành và phát triển tư duy logic, khả năng phán đoán, phân tích và giải quyết vấn đề. Phân tích được tình huống, đề xuất và lựa chọn giải pháp để chọn được phương án nhằm giải quyết vấn đề được đặt ra ban đầu.  *- Tự chủ và tự học:* Tự nhận ra và điều chỉnh một số sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác.  *- Giao tiếp và hợp tác:* Các hoạt động thảo luận nhóm và trình bày bài giúp HS phát triển năng lực hợp tác, giao tiếp và thuyết trình.  ***\* Năng lực tin học:***  - Nla (Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông).  + Sử dụng và kết nối được máy tính với điện thoại thông minh qua wi – fi.  + Sử dụng và kết nối được máy tính với điện thoại thông minh qua ứng dụng AirDroid Personal  + Làm việc với ổ cắm thông minh  + Làm việc với đèn thông minh.  NLd (Ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông trong học và tự học);  + Thực hiện chuyển tin nhắn càng các loại file khác nhau giữa điện thoại và máy tính tính.  Nle (Hợp tác trong môi trường số)  ***-*** Kết nối được máy tính với một số thiết bị số bằng các phương thức khác nhau, trong đó có các thiết bị nhà thông minh qua Internet. 3. Về phẩm chất - *Chăm chỉ:* Chăm học, tích cực, tìm tòi và sáng tạo trong học tập.  - *Trách nhiệm:* Các hoạt động khuyến khích HS cởi mở, có ý thức trách nhiệm với bản thân và tập thể. |
| **CHỦ ĐỀ D. ĐẠO ĐỨC, PHÁP LUẬT VÀ VĂN HOÁ TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ** | | | |
| **16, 17** | Giữ gìn tính nhân văn trong thế giới ảo | **2** | **1. Kiến thức**  Bài học này cung cấp kiến thức:  - Ưu điểm của giao tiếp qua không gian mạng  - Một số tiềm ẩn của giao tiếp qua không gian mạng  - Ứng xử nhân văn trên không gian mạng  **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***  *- Năng lực tự chủ và tự học:*HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…  *- Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.  *- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:*HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.  ***Năng lực Tin học:***  - Phân tích được ưu và nhược điểm về giao tiếp trong thế giới ảo qua các ví dụ cụ thể.  - Phân tích được tính nhân văn trong ứng xử ở một số tình huống tham gia thế giới ảo.  **3. Phẩm chất**  - *Chăm chỉ:* Chăm học, tích cực, tìm tòi và sáng tạo trong học tập.  - *Trách nhiệm:* Các hoạt động khuyến khích HS cởi mở, có ý thức trách nhiệm với bản thân và tập thể. |
| **18** | **Kiểm tra giữa kì I** | **1** | Đáp ứng yêu cầu cần đạt chủ đề A, B, AICT |
| **CHỦ ĐỀ F. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH**  TẠO TRANG WEB | | | |
| **19, 20** | Bài 1. Làm quen với ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản | **2** | **1. Kiến thức**  Bài học này cung cấp kiến thức:  - Ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản  - Cấu trúc của một văn bản HTML  - Các thao tác tạo trang web đơn giản  **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***  - *Năng lực tự chủ và tự học:* HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…  - *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.  - *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.  ***Năng lực Tin học:***  - Nhận biết được một số khái niệm chính của ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản: phần tử, thẻ mở, thẻ đóng.  - Trình bày được cấu trúc của văn bản HTML.  - Tạo được một trang web đơn giản bằng ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản.  **3. Phẩm chất**  - *Chăm chỉ:* Chăm học, tích cực, tìm tòi và sáng tạo trong học tập.  - *Trách nhiệm:* Các hoạt động khuyến khích HS cởi mở, có ý thức trách nhiệm với bản thân và tập thể. |
| **21, 22** | Bài 2. Định dạng văn bản và tạo siêu liên kết | **2** | **1. Kiến thức**  Bài học này cung cấp kiến thức:  -Cách tạo nội dung trang web theo đoạn văn bản và cách tạo tiêu đề mục.  - Một số cách làm nổi bật văn bản trên trình duyệt web.  - Cách tạo siêu liên kết.  **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***  *- Năng lực tự chủ và tự học:*HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…  *- Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.  *- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:*HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.  ***Năng lực Tin học:***  - Trình bày được cách tạo nội dung trang web theo đoạn văn bản và cách tạo tiêu đề mục.  - Liệt kê được một số cách làm nổi bật văn bản trên trình duyệt web.  - Mô tả được cách tạo siêu liên kết.  **3. Phẩm chất**  - *Chăm chỉ:* Chăm học, tích cực, tìm tòi và sáng tạo trong học tập.  - *Trách nhiệm:* Các hoạt động khuyến khích HS cởi mở, có ý thức trách nhiệm với bản thân và tập thể. |
| **23, 24** | Bài 3. Thực hành định dạng văn bản và tạo siêu liên kết | **2** | **1. Kiến thức**  Bài học này cung cấp kiến thức:  - Cách tạo tiêu đề mục cho trang web đơn giản  - Một số cách làm nổi bật văn bản trên trình duyệt web.  - Cách tạo siêu liên kết.  **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***  *- Năng lực tự chủ và tự học:*HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…  - *Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.  *- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:*HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.  ***Năng lực Tin học:***  - Tạo được trang web đơn giản với các đoạn văn bản và các tiêu đề mục.  - Làm nổi bật được nội dung văn bản trên trình duyệt web.  - Tạo được siêu liên kết.  **3. Phẩm chất**  - *Chăm chỉ:* Chăm học, tích cực, tìm tòi và sáng tạo trong học tập.  - *Trách nhiệm:* Các hoạt động khuyến khích HS cởi mở, có ý thức trách nhiệm với bản thân và tập thể. |
| **25, 26** | Bài 4. Trình bày nội dung theo dạng danh sách, bảng biểu | **2** | **1. Về kiến thức**  Bài học cung cấp những kiến thức:  - Dạng danh sách trên trang web: Danh sách xác định thứ tự, danh sách không xác định thứ tự.  - Bảng biểu trên trang web  **2. Về năng lực**  Bài học góp phần củng cố và phát triển cho học sinh những năng lực với biểu hiện cụ thể như sau:  ***\* Năng lực chung:***  *- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập, thông qua các hoạt động học tập, được hình thành và phát triển tư duy logic, khả năng phán đoán, phân tích và giải quyết vấn đề.  *- Giao tiếp và hợp tác:* Các hoạt động theo nhóm và trình bày bài giúp HS phát triển năng lực hợp tác, giao tiếp và thuyết trình.  *- Tự chủ và tự học:* Luôn chủ động, tích cực tìm hiểu nội dung bài học; Xác định được nhiệm vụ học tập dựa trên kết quả đã đạt được; biết đặt mục tiêu học tập chi tiết, cụ thể, khắc phục những hạn chế.  ***\* Năng lực Tin học:***  Nlc (Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông):  + Trình bày được nội dung dạng danh sách trên trang web  + Tạo được bảng biểu trên trang web  **3. Về phẩm chất**  *- Chăm chỉ:* Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập.  *- Trách nhiệm:* Hoàn thành các bài tập theo yêu cầu của GV thông qua sản phẩm, thực hành. |
| **27, 28** | Bài 5. Chèn hình ảnh, âm thanh, video và sử dụng khung | **2** | **1. Về kiến thức**  Bài học cung cấp những kiến thức:  - Cách chèn hình ảnh, tệp âm thanh, video vào trang web.  - Cách nhúng nội dung trang web khác vào trang web hiện thời.  **2. Về năng lực**  Bài học góp phần củng cố và phát triển cho học sinh những năng lực với biểu hiện cụ thể như sau:  ***\* Năng lực chung:***  *- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập, thông qua các hoạt động học tập, được hình thành và phát triển tư duy logic, khả năng phán đoán, phân tích và giải quyết vấn đề.  *- Giao tiếp và hợp tác:* Các hoạt động theo nhóm và trình bày bài giúp HS phát triển năng lực hợp tác, giao tiếp và thuyết trình.  *- Tự chủ và tự học:* Luôn chủ động, tích cực tìm hiểu nội dung bài học; Xác định được nhiệm vụ học tập dựa trên kết quả đã đạt được; biết đặt mục tiêu học tập chi tiết, cụ thể, khắc phục những hạn chế.  ***\* Năng lực Tin học:***  Nlc (Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông):  - Chèn được hình ảnh, âm thanh, video vào trang web  - Nhúng được nội dung trang web khác vào trang web  **3. Về phẩm chất**  - *Chăm chỉ:* Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập.  - *Trách nhiệm:* Hoàn thành các bài tập theo yêu cầu của GV thông qua sản phẩm, thực hành. |
| **29, 30** | Bài 6. Tạo biểu mẫu | **2** | **1. Về kiến thức**  Bài học cung cấp những kiến thức:  - Khái niệm biểu mẫu  - Điều khiển nhập xâu kí tự  - Nhập dữ liệu bằng cách lựa chọn  - Nút lệnh gửi dữ liệu  - Một số lưu ý trong thiết kế biểu mẫu  **2. Về năng lực**  Bài học góp phần củng cố và phát triển cho học sinh những năng lực với biểu hiện cụ thể như sau:  ***\* Năng lực chung:***  *- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập, thông qua các hoạt động học tập, được hình thành và phát triển tư duy logic, khả năng phán đoán, phân tích và giải quyết vấn đề.  *- Giao tiếp và hợp tác:* Các hoạt động theo nhóm và trình bày bài giúp HS phát triển năng lực hợp tác, giao tiếp và thuyết trình.  *- Tự chủ và tự học:* Luôn chủ động, tích cực tìm hiểu nội dung bài học; Xác định được nhiệm vụ học tập dựa trên kết quả đã đạt được; biết đặt mục tiêu học tập chi tiết, cụ thể, khắc phục những hạn chế.  ***\* Năng lực Tin học:***  Nlc (Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông):  + Phát biểu được khái niệm biểu mẫu.  + Mô tả được một số điều khiển hỗ trợ nhập dữ liệu trên trang web.  + Nêu được một số quy định trong thiết kế biểu mẫu.  **3. Về phẩm chất**  *- Chăm chỉ:* Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập.  *- Trách nhiệm:* Hoàn thành các bài tập theo yêu cầu của GV thông qua sản phẩm, thực hành. |
| **31, 32** | Bài 7. Thực hành tạo biểu mẫu | **2** | **1. Kiến thức:**  Bài học này cung cấp kiến thức:  - Cách tạo biểu mẫu trên trang web  - Cách thêm các điều khiển thông dụng vào biểu mẫu  - Cách thiết kế biểu mẫu phù hợp với yêu cầu nhập dữ liệu  **2. Năng lực:**  ***Năng lực chung:***  - *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.  - *Giao tiếp và hợp tác:* Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.  *- Tự chủ và tự học:* Luôn chủ động, tích cực tìm hiểu nội dung bài học; Xác định được nhiệm vụ học tập dựa trên kết quả đã đạt được; biết đặt mục tiêu học tập chi tiết, cụ thể, khắc phục những hạn chế.  ***Năng lực Tin học:***  NLc (Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông):  + Tạo được biểu mẫu trên trang web  + Thêm được các điều khiển thông dụng vào biểu mẫu  + Thiết kế được biểu mẫu phù hợp với yêu cầu nhập dữ liệu  **3. Phẩm chất:**  - *Chăm chỉ:* Học sinh có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở trường trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày. tích cực trong việc hoàn thành các hoạt động học tập của cá nhân.  - *Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác và nghiêm túc hoàn thành các nhiệm vụ mà đã phân công về nhà và trên lớp học. |
| **33, 34** | Bài 8. Làm quen với CSS | **2** | **1. Kiến thức**  Bài học này cung cấp kiến thức:  - Bảng định dạng CSS  - Cách khai báo chọn phần tử và cách áp dụng CSS  - Một số thuộc tính định dạng CSS  **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***  - *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.  - *Giao tiếp và hợp tác:* Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.  *- Tự chủ và tự học:* Luôn chủ động, tích cực tìm hiểu nội dung bài học; Xác định được nhiệm vụ học tập dựa trên kết quả đã đạt được; biết đặt mục tiêu học tập chi tiết, cụ thể, khắc phục những hạn chế.  ***Năng lực Tin học:***  NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông:  + Nêu được mục đích sử dụng CSS  + Mô tả được bộ chọn phần tử và cách áp dụng CSS  + Trình bày được một số thuộc tính định dạng CSS  **3. Phẩm chất:**  - *Chăm chỉ:* Học sinh có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở trường trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày. tích cực trong việc hoàn thành các hoạt động học tập của cá nhân.  - *Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác và nghiêm túc hoàn thành các nhiệm vụ mà đã phân công về nhà và trên lớp học. |
| **35** | Ôn tập | **1** | Ôn tập kiến thức theo đề cương |
| **36** | **Kiểm tra cuối kì I** | **1** | Đáp ứng yêu cầu cần đạt chủ đề A, B, AICT, D, bài 1🡪7 chủ đề F |
| **HỌC KÌ II** | | | |
| **37, 38** | Bài 9. Thực hành định dạng một số thuộc tính CSS | **2** | **1. Kiến thức**  Bài học này cung cấp kiến thức:  - Cách khai báo và áp dụng quy tắc định dạng internal CSS  - Cách khai báo và áp dụng quy tắc định dạng external CSS  - Cách áp dụng bảng định dạng external CSS đã có cho văn bản HTML  **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***  *- Năng lực tự chủ và tự học:*HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…  *- Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.  *- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:*HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.  ***Năng lực Tin học:***  - Khai báo được bộ chọn phần tử  - Sử dụng được internal CSS, external CSS  - Sử dụng được một số thuộc tính CSS.  **3. Phẩm chất**  *- Chăm chỉ:* Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập.  *- Trách nhiệm:* Hoàn thành các bài tập theo yêu cầu của GV thông qua sản phẩm, thực hành. |
| **39, 40** | Bài 10. Bộ chọn lớp, bộ chọn định danh | **2** | **1. Kiến thức**  Bài học này cung cấp kiến thức:  - Bộ chọn lớp  - Bộ chọn định danh  **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***  *- Năng lực tự chủ và tự học:*HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…  *- Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.  *- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:*HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.  ***Năng lực Tin học:***  - Sử dụng được bộ chọn lớp, bộ chọn định danh.  **3. Phẩm chất**  *- Chăm chỉ:* Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập.  *- Trách nhiệm:* Hoàn thành các bài tập theo yêu cầu của GV thông qua sản phẩm, thực hành. |
| **41, 42** | Bài 11. Mô hình hộp, bố cục trang web | **2** | **1. Kiến thức**  Bài học này cung cấp kiến thức:  - Mô hình hộp trong trình bày phần tử HTML  - Cách thiết lập hiển thị phần tử theo khối, theo dòng  - Bố cục trang web  **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***  *- Năng lực tự chủ và tự học:*HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…  *- Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.  *- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:*HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.  ***Năng lực Tin học:***  - Mô tả được mô hình hộp trong trình bày phần tử HTML.  - Trình bày được cách hiện thị phần tử theo khối, theo dòng.  - Nhận diện được các thành phần cơ bản trong bố cục trang web.  **3. Phẩm chất**  *- Chăm chỉ:* Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập.  *- Trách nhiệm:* Hoàn thành các bài tập theo yêu cầu của GV thông qua sản phẩm, thực hành. |
| **43, 44, 45** | Bài 12. Dự án nhỏ: Tạo trang web báo tường | **3** | **1. Kiến thức**  Bài học này cung cấp kiến thức:  - Cách sử dụng các phần tử HTML và bảng định dạng CSS để tạo trang web  **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***  *- Năng lực tự chủ và tự học:*HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…  *- Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.  *- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:*HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.  ***Năng lực Tin học:***  - Sử dụng được các phần tử HTML để tạo trang web.  - Sử dụng được bảng định dạng CSS để tạo trang web đa dạng và sinh động.  **3. Phẩm chất**  *- Chăm chỉ:* Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập.  *- Trách nhiệm:* Hoàn thành các bài tập theo yêu cầu của GV thông qua sản phẩm, thực hành. |
| **CHỦ ĐỀ EICT. ỨNG DỤNG TIN HỌC**  THỰC HÀNH SỬ DỤNG PHẦN MỀM TẠO TRANG WEB | | | |
| **46, 47** | Bài 1. Giới thiệu phần mềm tạo website | **2** | **1. Về kiến thức:**  Bài học này cung cấp kiến thức:  - Phần mềm tạo website  - Phần mềm Mobirise  **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***  *- Năng lực tự chủ và tự học:*HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…  *- Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.  *- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:*HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.  ***Năng lực Tin học:***  - Chỉ ra được một số chức năng cơ bản của phần mềm tạo Website.  - Nhận biết được các thành phần của giao diện phần mềm tạo Website Mobirise.  **3. Về phẩm chất:**  - *Trách nhiệm:* Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ.  - *Chăm chỉ:* Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào thực tiễn. |
| **48, 49** | Bài 2. Tạo website bằng phần mềm | **2** | **1. Về kiến thức:**  Bài học này cung cấp kiến thức:  **- Cấu trúc cơ bản của một website**  **- Các bước tạo website bằng phần mềm**  **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***  *- Năng lực tự chủ và tự học:*HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…  *- Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.  *- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:*HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.  ***Năng lực Tin học:***  - Nhận diện được cấu trúc cơ bản của một website.  - Bước đầu sử dụng được một số chức năng chính của phần mềm tạo website.  **3. Về phẩm chất:**  - *Trách nhiệm:* Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ.  - *Chăm chỉ:* Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào thực tiễn. |
| **50, 51** | Bài 3. Tạo thanh điều hướng cho trang web | **2** | **1. Về kiến thức:**  Bài học này cung cấp kiến thức:  - Mô hình tổ chức các trang web.  - Cách tạo liên kết tới các trang.  - Cách thiết lập và tuỳ chỉnh bảng chọn Trang chủ trên thanh điều hướng.  **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***  *- Năng lực tự chủ và tự học:*HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…  *- Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.  *- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:*HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.  ***Năng lực Tin học:***  - Nêu được ý nghĩa và cách sử dụng thanh điều hướng trong website.  - Tạo được thanh điều hướng cho trang web.  **3. Về phẩm chất:**  - *Trách nhiệm:* Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ.  - *Chăm chỉ:* Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào thực tiễn. |
| **52** | **Kiểm tra giữa kì II** | **1** | Đáp ứng yêu cầu cần đạt bài 8🡪11 chủ đề F, bài 1🡪3 chủ đề EICT |
| **53, 54** | Bài 4. Tạo nội dung văn bản cho trang web | **2** | **1. Về kiến thức:**  Bài học này cung cấp kiến thức:  - Ý nghĩa của biểu mẫu trên trang web.  - Cách tạo và sử dụng biểu mẫu.  **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***  *- Năng lực tự chủ và tự học:*HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…  *- Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.  *- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:*HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.  ***Năng lực Tin học:***  - Tạo được nội dung văn bản cho trang web: nội dung bài viết, chân trang.  **3. Về phẩm chất:**  - *Trách nhiệm:* Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ.  - *Chăm chỉ:* Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào thực tiễn. |
| **55, 56** | Bài 5. Tạo nội dung hình ảnh cho trang web | **2** | **1. Về kiến thức:**  Bài học này cung cấp kiến thức:  - Hình ảnh, video trên trang web  - Bộ sưu tập và thanh trượt  **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***  *- Năng lực tự chủ và tự học:*HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…  *- Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.  *- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:*HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.  ***Năng lực Tin học:***  - Tạo được các nội dung dạng hình ảnh trên trang web: ảnh đại diện, video, thư viện ảnh dưới dạng thanh trượt và bộ sưu tập.  **3. Về phẩm chất:**  - *Trách nhiệm:* Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ.  - *Chăm chỉ:* Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào thực tiễn. |
| **57, 58** | Bài 6. Tạo biểu mẫu cho trang web và xuất bản website | **2** | **1. Về kiến thức:**  Bài học này cung cấp kiến thức:  **- Biểu mẫu trên trang web**  **- Chế độ xem trước trang web**  **- Chế độ xuất bản website**  **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***  *- Năng lực tự chủ và tự học:*HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…  *- Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.  *- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:*HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.  ***Năng lực Tin học:***  - Tạo được biểu mẫu cho trang web.  - Xuất bản được website dưới dạng các tệp tin HTML, tải website lên trên Internet.  **3. Về phẩm chất:**  - *Trách nhiệm:* Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ.  - *Chăm chỉ:* Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào thực tiễn. |
| **59, 60, 61** | Bài 7. Tạo sản phẩm theo nhóm (Bài tập nhóm) | **3** | **1. Về kiến thức:**  Bài học này cung cấp kiến thức: Cách tạo website bằng phần mềm Mobirise.  **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***  *- Năng lực tự chủ và tự học:*HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…  *- Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.  *- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:*HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.  ***Năng lực Tin học:***  - Tạo được một website bằng phần mềm Mobirise.  **3. Phẩm chất:**  - *Trách nhiệm:* Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ.  - *Chăm chỉ:* Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào thực tiễn. |
| **CHỦ ĐỀ G. HƯỚNG NGHIỆP VỚI TIN HỌC**  GIỚI THIỆU NHÓM NGHỀ DỊCH VỤ VÀ QUẢN TRỊ, MỘT SỐ NGHỀ ỨNG DỤNG TIN HỌC VÀ MỘT SỐ NGÀNH THUỘC LĨNH VỰC TIN HỌC | | | |
| **62, 63** | Bài 1. Giới thiệu nghề Dịch vụ và Quản trị trong ngành Công nghệ thông tin | **2** | **1. Về kiến thức**  Bài học này cung cấp kiến thức:  - Nhóm nghề dịch vụ trong ngành CNTT  - Nhóm nghề quản trị trong ngành CNTT  **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***  *-  Năng lực tự chủ và tự học:* Biết lựa chọn các nguồn tài liệu học tập phù hợp.  *- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Xác định và tìm hiểu được các thông tin liên quan đến vấn đề, đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề trong bài học.  - *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.  ***Năng lực Tin học:***  - NLA (Sử dụng và quản lí các phương tiện CNTT và truyền thông) và NLd (ứng dụng công nghệ thông tin trong học và tự học):  + Trình bày được thông tin hướng nghiệp nhóm nghề dịch vụ và quản trị: sửa chữa và bảo trì máy tính, quản trị mạng, quản trị và bảo trì hệ thống, bảo mật hệ thống thông tin.  + Tự tìm kiếm và khai thác được thông tin hướng nghiệp về một số nghề trong nhóm nghề dịch vụ và quản trị ngành CNTT.  **3. Phẩm chất**  - *Chăm chỉ:* Chăm học, tích cực, tìm tòi và sáng tạo trong học tập.  - *Trách nhiệm:* Các hoạt động khuyến khích HS cởi mở, có ý thức trách nhiệm với bản thân và tập thể. |
| **64, 65** | Bài 2. Một số nghề khác trong ngành Công nghệ thông tin và một số nghề ứng dụng công nghệ thông tin | **2** | **1. Về kiến thức**  Bài học này cung cấp kiến thức:  - Một số nghề trong ngành Công nghiệp phần mềm.  - Chuyển đổi số và một số nghề liên quan trong ngành CNTT.  - Một số nghề ứng dụng CNTT trong ngành Truyền thông đa phương tiện.  **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***  *- Năng lực tự chủ*: Biết lựa chọn các nguồn tài liệu học tập phù hợp.  - *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Xác định và tìm hiểu được các thông tin liên quan đến vấn đề, đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề trong bài học.  - *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.  ***Năng lực Tin học:***  - Nêu được tên một số nghề trong ngành Công nghiệp phần mềm hoặc trong chuyển đổi số, đồng thời giải thích được vai trò và công việc của chuyên viên tin học trong một số ngành nghề.  - Nêu được tên một số nghề ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành Truyền thông đa phương tiện hoặc các lĩnh vực khác.  **3. Phẩm chất:**  - *Chăm chỉ:* Chăm học, tích cực, tìm tòi và sáng tạo trong học tập.  - *Trách nhiệm:* Các hoạt động khuyến khích HS cởi mở, có ý thức trách nhiệm với bản thân và tập thể. |
| **69** | Ôn tập | **1** | Ôn tập kiến thức theo đề cương |
| **70** | **Kiểm tra cuối học kì II** | **1** | Đáp ứng yêu cầu cần đạt bài 8🡪11 chủ đề F, chủ đề EICT, chủ đề G |

**2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông):** Không

# 3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra,  đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| Giữa Học kỳ I | 45 phút | Tuần 9 | Đáp ứng YCCĐ của chủ đề A, B, AICT | Viết trên giấy |
| Cuối Học kỳ I | 45 phút | Tuần 18 | Đáp ứng YCCĐ của chủ đề A, B, AICT, D, bài 1🡪7 chủ đề F | Viết trên giấy |
| Giữa Học kỳ II | 45 phút | Tuần 26 | Đáp ứng YCCĐ của bài 8🡪11 chủ đề F, bài 1🡪3 chủ đề EICT | Viết trên giấy |
| Cuối Học kỳ II | 45 phút | Tuần 35 | Đáp ứng YCCĐ của bài 8🡪11 chủ đề F, chủ đề EICT, chủ đề G | Viết trên giấy |

# Các nội dung khác (nếu có):

# Tổ chức các hoạt động giáo dục theo kế hoạch của tổ nhóm chuyên môn và nhà trường.

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG** | *Thanh Liêm, ngày tháng năm 2024*  **HIỆU TRƯỞNG** |

1. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-1)
2. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-2)